

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 (2019-2020)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGD&ĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BDGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-ĐHKTCN ngày 24/9/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập Đại học chnhcs quy tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ vào biên bản: /BB-ĐHKTCN xét học bổng học kỳ 2 năm học 2020-2021 của Hội đồng xét học bổng ngày 11/11/2020;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng CT HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 480 sinh viên học kỳ 2 năm học 2019-2020 hệ đại học chính quy (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổng số tiền chi: 1.267.500.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.

Điều 3. Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của nhà trường.

Điều 4. Trưởng phòng Kế hoạch – tài chính, phòng CT HSSV, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, CT HSSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ 2 (2019-2020)

(Kèm theo quyết định số: 3226 /QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng trường ĐHKTCN)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
1	K175580201005	Vũ Tiến Dũng	K53KXC.01	18	3.56	Toeic 565	90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
2	K155580201001	Trương Ngọc Châu	K51KXC.01	15	4.00		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
3	K165580201006	Đặng Văn Hiếu	K52KXC.01	19	3.32	443	85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
4	K165580201007	Vũ Tiến Hoàng	K52KXC.01	15	3.4		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
5	K165520320001	Nguyễn Thị Kim Chi	K52KTM.01	18	3.56		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
6	K165580201011	Nguyễn Hồng Minh	K52KXC.01	23	2.81		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
7	K175580201009	Nguyễn Thị Thùy Linh	K53KXC.01	18	3.56		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
8	K175580201011	Vũ Trà My	K53KXC.01	18	3.28		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
9	K175580201006	Đào Huy Hoàng	K53KXC.01	21	3.24		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
10	K185580201002	Trần Duy Chiến	K54KXC.01	13	2.85		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
11	K175510601005	Dương Thị Lan	K53QLC.01	19	3,74	463 Toelft	98	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
12	K175510604007	Bùi Hồng Tiên	K53KTN.01	19	3,63	453 Toelf	93	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
13	K175510601007	Dương Thị Thêu	K53QLC.01	19	3,63	473 Toelf	98	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
14	K175520201257	Nguyễn Văn Cường	K53QLC.01	21	3,14		93	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
15	K175510604006	Nguyễn Thị Ngọc	K53KTN.01	19	3,42	460 Toelf	93	Giỏi	900.000	5	4.500.000
16	K175510604009	Đào Thị Tươi	K53KTN.01	19	3,37		93	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
17	K175510604005	Hoàng Thị Ngọc	K53KTN.01	19	3,32		98	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
18	K175510604013	Ma Thị Hạ Mai	K53KTN.01	19	3,32		96	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
19	K195520114054	Tạ Văn Đạt	K55CĐT.02	12	3.58		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
20	K195520114140	Trần Thị Giang	K55CĐT.01	12	3.50		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
21	K195520114111	Trần Văn Huy	K55CĐT.02	12	3.50		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
22	K195520114067	Kiều Dương Lập	K55CĐT.02	12	3.42		83	Giỏi	900.000	5	4.500.000
23	K195520114128	Trần Duy Thành	K55CĐT.02	12	3.33		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
24	K195520207042	Nguyễn Thị Ngọc	K55ĐTT.01	15	3.27		91	Giỏi	900.000	5	4.500.000
25	K195520114127	Đỗ Văn Đức	K55CĐT.01	12	3.25		100	Giỏi	900.000	5	4.500.000
26	K195520114045	Nguyễn Văn Tuyển	K55CĐT.01	12	3.17		81	Khá	600.000	5	3.000.000
27	K195520114112	Đỗ Xuân Kiên	K55CĐT.02	12	3.17		81	Khá	600.000	5	3.000.000
28	K195480106015	Đặng Hoàng Nam	K55KMT.01	11	3.09		85	Khá	600.000	5	3.000.000
29	K195520114131	Lê Xuân Trường	K55CĐT.01	12	3.00		97	Khá	600.000	5	3.000.000
30	K195520114023	Nguyễn Đức Long	K55CĐT.01	12	2.92		71	Khá	600.000	5	3.000.000
31	K195480106024	Hoàng Thanh Tùng	K55KMT.01	11	2.82		90	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và	tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
32	K165520114002	Lưu Hoàng	Anh	K52CĐT.01	13	3.31	TOEIC 560	80	Giỏi	900.000	5	4.500.000
33	K165520114025	Dương Đăng	Hoàng	K52CĐT.01	16	3.31		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
34	K165520114020	Vũ Đình	Hiếu	K52CĐT.01	16	3.31		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
35	K165520114057	Lê Tiến	Thành	K52CĐT.01	17	3.00		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
36	K165520114021	Vũ Xuân	Hiếu	K52CĐT.01	16	3.13		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
37	K165520114004	Trần Tiến	Anh	K52CĐT.01	16	3.00		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
38	K165520114032	Vũ Quốc	Khánh	K52CĐT.01	12	4.00		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
39	K165520114017	Hoàng Xuân	Đức	K52CĐT.01	15	3.20		98	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
40	K165520103045	Nguyễn Văn	Tâm	K52CĐT.01	16	2.94		71	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
41	K165520114036	Lê Duy	Linh	K52CĐT.01	15	3.07		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
42	K165520114062	Nguyễn Văn	Thuyên	K52CĐT.01	15	2.87		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
43	K165520103270	Nguyễn Văn	Kiên	K52CĐT.01	15	2.80		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
44	K165520114137	Vũ Văn	Tiến	K52CĐT.02	12	3.42	TOEIC 625	100	Giỏi	900.000	5	4.500.000
45	K165520114147	Đặng Công	Viên	K52CĐT.02	12	3.25	TOEFL 460	95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
46	K165520114084	Lý Văn	Dũng	K52CĐT.02	17	2.94	TOEFL 430	95	Khá	600.000	5	3.000.000
47	K165520114099	Ngô Trọng	Hoàn	K52CĐT.02	15	3.13	TOEFL 463	99	Khá	600.000	5	3.000.000
48	K165520114077	Phan Văn Trung	Anh	K52CĐT.02	21	3.05		77	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
49	K165520114096	Phạm Minh	Hiếu	K52CĐT.02	18	3.00		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
50	K165520114090	Lê Mạnh	Đạt	K52CĐT.02	14	3.14		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
51	K165520114087	Nguyễn Tùng	Dương	K52CĐT.02	14	2.86		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
52	K165520114117	Nguyễn Văn	Nhân	K52CĐT.02	12	4.00	TOEFL 480	99	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
53	K165520114115	Nguyễn Phương	Nam	K52CĐT.02	12	3.67	Trung 275	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
54	K165520114223	Trần Minh	Vũ	K52CĐT.03	15	2.87	TOEFL 420	75	Khá	600.000	5	3.000.000
55	K165520114153	Kiều Văn	Bích	K52CĐT.03	22	2.82		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
56	K165520114178	Lục Văn	Huy	K52CĐT.03	19	2.89		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
57	K165520114187	Dương Công	Lương	K52CĐT.03	17	3.12		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
58	K165520114159	Nguyễn Xuân	Dương	K52CĐT.03	14	3.57		72,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
59	K165520114220	Hà Cao	Vân	K52CĐT.03	17	2.82		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
60	K165520114173	Phạm Văn	Hoàng	K52CĐT.03	16	2.81		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
61	K165520114208	Nguyễn Khắc	Thiện	K52CĐT.03	15	2.87		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
62	K165520114184	Trịnh Văn	Linh	K52CĐT.03	12	3.42	TOEFL 397	70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
63	K165520114176	Nguyễn Hữu	Hùng	K52CĐT.03	14	2.86		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
64	K165520103013	Nguyễn Minh	Đức	K52CCM.01	18	2.89	Toeic 755	70	Khá	600.000	5	3.000.000
65	K165520103006	Nguyễn Văn	Công	K52CCM.01	16	2.81		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
66	K165520103116	Lê Văn	Thủy	K52CCM.02	16	3.00		100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
67	K165520103188	Hoàng Trọng	Tuấn	K52CCM.02	16	2.88		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
68	K165520103255	Chu Duy Văn	K52CCM.03	15	3.07		77	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
69	K165520103186	Phạm Văn Tú	K52CCM.03	16	2.81		76	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
70	K165520103167	Cao Xuân Phương	K52CCM.03	14	2.93		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
71	K165520103282	Dương Khánh Lâm	K52CCM.04	16	2.81	TOEIC 535	92	Khá	600.000	5	3.000.000
72	K175520114206	Vũ Văn Sỹ	K53CĐT.01	13	3.54	TOEIC 615	94	Khá	600.000	5	3.000.000
73	K175520114061	Lương Đình Ngọc Tú	K53CĐT.01	15	2.93	TOEFL 447	92,5	Khá	600.000	5	3.000.000
74	K175520114033	Phan Công Minh	K53CĐT.01	16	3.50		95	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
75	K175520201072	Nguyễn Tiến Vũ	K53CĐT.01	18	2.94		82,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
76	K175520114031	Nguyễn Thị Mai	K53CĐT.01	16	3.25		92,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
77	K175520114018	Lê Huy Hoàng	K53CĐT.01	16	2.94		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
78	K175520114077	Nguyễn Thị Doan	K53CĐT.02	13	3.54	TOEFL 427	96,5	Giỏi	900.000	5	4.500.000
79	K175520114211	Đặng Văn Khang	K53CĐT.02	19	3.21		87,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
80	K175520114209	Nguyễn Cường	K53CĐT.02	21	2.90		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
81	K175520114088	Vũ Huy Hoàng	K53CĐT.02	20	3.00		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
82	K175520114127	Ngô Quang Trường	K53CĐT.02	19	3.11		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
83	K175520114210	Đông Thị Thư	K53CĐT.02	17	3.41		93	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
84	K175520114134	Hà Viết Việt	K53CĐT.02	16	3.13		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
85	K175520114101	Dương Hải Nam	K53CĐT.02	13	3.38		88	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
86	K175520114096	Vũ Đức Lộc	K53CĐT.02	15	2.87		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
87	K175520114098	Triệu Đức Lương	K53CĐT.02	15	2.80		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
88	K175520114185	Phạm Văn Thi	K53CĐT.03	15	3.13		73,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
89	K175520114169	Nhữ Đình Nam	K53CĐT.03	15	2.93		73	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
90	K175520114150	Nguyễn Ngọc Hiên	K53CĐT.03	13	3.15		71	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
91	K175520103046	Lưu Anh Tuấn	K53CCM.01	17	3.82	TOEFL 467	88	Khá	600.000	5	3.000.000
92	K175520103006	Nguyễn Quý Đại	K53CCM.01	19	3.16		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
93	K175520103155	Dương Văn Kiên	K53CCM.01	19	3.00		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
94	K175520103032	Hoàng Quang Ninh	K53CCM.01	19	2.89	TOEFL 467	90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
95	K175520103043	Trần Quang Tới	K53CCM.01	19	2.89		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
96	K175520103016	Sâm Văn Hoan	K53CCM.01	17	3.12		77	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
97	K175520103147	Bùi Minh Lâm	K53CCM.01	17	2.88		76	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
98	K175520103035	Nguyễn Hồng Sơn	K53CCM.01	17	2.82		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
99	K175520103071	Nguyễn Thị Linh	K53CCM.02	19	3.53	TOEFL 427	96	Khá	600.000	5	3.000.000
100	K175520103205	Trần Văn Quang	K53CCM.02	19	3.11		71,5	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
101	K175520103051	Hoàng Văn Chiến	K53CCM.02	17	3.41		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
102	K175520103079	Vũ Thạch Nhã	K53CCM.02	19	3.05		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
103	K175520103064	Đỗ Tiến Hoàng	K53CCM.02	17	2.88		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
104	K175520103169	Trần Văn Quân	K53CCM.02	14	3.00		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
105	K175520103135	Trần Tuấn Thành	K53CCM.03	19	3.26	TOEFL 457	82	Giỏi	900.000	5	4.500.000
106	K175520103195	Bùi Văn Mạnh	K53CCM.03	17	3.47		86	Khá	600.000	5	3.000.000
107	K175520103184	Đinh Thị Ngọc Anh	K53CCM.03	19	3.05		95	Khá	600.000	5	3.000.000
108	K175520103110	Giáp Minh Hiếu	K53CCM.03	22	2.95		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
109	K175520103099	Giàng A Chông	K53CCM.03	19	3.26		76	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
110	K175520103117	Trần Trung Kiên	K53CCM.03	19	3.16		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
111	K175520103137	Phạm Văn Thúc	K53CCM.03	17	2.94		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
112	K185520114034	Nguyễn Thị Tố Như	K54CĐT.01	18	2.94		91	Khá	600.000	5	3.000.000
113	K185520114222	Lương Đình Huấn	K54CĐT.01	16	2.88		87,5	Khá	600.000	5	3.000.000
114	K185520114052	Vương Thị Hồng Vân	K54CĐT.01	16	2.88		96,5	Khá	600.000	5	3.000.000
115	K185520114033	Lâu A Nhánh	K54CĐT.01	16	2.81		95,5	Khá	600.000	5	3.000.000
116	K185520216055	Nguyễn Văn Tuyển	K54CĐT.01	18	3.61	TOEFL 467	99	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
117	K185520114104	Phạm Văn Tuấn	K54CĐT.02	18	3.50		84	Giỏi	900.000	5	4.500.000
118	K185520114244	Nguyễn Thị Quỳnh	K54CĐT.02	20	2.90		74	Khá	600.000	5	3.000.000
119	K185520114086	Tạ Văn Năng	K54CĐT.02	19	2.89		78	Khá	600.000	5	3.000.000
120	K185520114060	Đoàn Quốc Cường	K54CĐT.02	16	3.06		84,5	Khá	600.000	5	3.000.000
121	K185520114242	Dương Quang Minh	K54CĐT.02	16	2.94		84	Khá	600.000	5	3.000.000
122	K185520114139	Tạ Văn Ngọc	K54CĐT.03	19	2.89	TOEFL 290	78	Khá	600.000	5	3.000.000
123	K185520114152	Nguyễn Danh Tiến	K54CĐT.03	18	2.83		73,5	Khá	600.000	5	3.000.000
124	K185520114253	Trần Ngọc Tú	K54CĐT.04	17	2.94		74	Khá	600.000	5	3.000.000
125	K185520114213	Đỗ Việt Vương	K54CĐT.04	15	3.20		71	Khá	600.000	5	3.000.000
126	K185520114163	Đào Minh Châu	K54CĐT.04	15	3.07		84	Khá	600.000	5	3.000.000
127	K185520114255	Dương Thị Thảo	K54CĐT.04	16	3.88	TOEFL 440	91	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
128	K185520103215	Nguyễn Hồng Thủy	K54KC.01	20	3.00		70	Khá	600.000	5	3.000.000
129	K185520103101	Trần Văn Hải	K54KC.01	15	3.27		74	Khá	600.000	5	3.000.000
130	K185520103004	Bùi Mạnh Cường	K54KC.01	16	3.06		70	Khá	600.000	5	3.000.000
131	K185520103021	Trương Thế Kiên	K54KC.01	15	3.13		74	Khá	600.000	5	3.000.000
132	K185520103208	Dương Quang Linh	K54KC.01	16	2.88		74	Khá	600.000	5	3.000.000
133	K185520103216	Lã Quyết Tiến	K54KC.01	15	3.00		70	Khá	600.000	5	3.000.000
134	K175520103003	Bùi Đức Chiến	K54KC.01	16	3.38		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
135	K185520103049	Nguyễn Trung Đại	K54KC.02	15	3.47		86	Giỏi	900.000	5	4.500.000
136	K185520103076	Dương Văn Quân	K54KC.02	15	3.40		86	Giỏi	900.000	5	4.500.000
137	K185520103082	Tạ Huy Thìn	K54KC.02	17	3.18		74	Khá	600.000	5	3.000.000
138	K185520103077	Phạm Văn Quý	K54KC.02	16	3.13		79	Khá	600.000	5	3.000.000
139	K185520103063	Hoàng Quốc Khánh	K54KC.02	15	3.13		74	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loai HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
140	K185520103087	Vũ Hữu Tuấn	K54KC.02	15	3.07		70	Khá	600.000	5	3.000.000
141	K185520103192	Nông Văn Đạt	K54KC.02	15	2.80		74	Khá	600.000	5	3.000.000
142	K185520103080	Nguyễn Mạnh Thành	K54KC.02	14	2.93		88	Khá	600.000	5	3.000.000
143	K185520103115	Lưu Sỹ Minh	K54KC.03	16	3.38		79	Khá	600.000	5	3.000.000
144	K185520103125	Bùi Quang Thành	K54KC.03	17	3.12		80	Khá	600.000	5	3.000.000
145	K185520103194	Phạm Minh Đức	K54KC.03	15	2.93		72	Khá	600.000	5	3.000.000
146	K185520103206	Triệu Phúc Kim	K54KC.03	15	2.87		81	Khá	600.000	5	3.000.000
147	K185520103107	Lưu Quang Huy	K54KC.03	13	3.15		89	Khá	600.000	5	3.000.000
148	K185520103100	Nguyễn Văn Hà	K54KC.03	15	3.80		93,5	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
149	K185520103222	Nguyễn Duy Tuấn	K54KC.04	20	3.35		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
150	K185520103175	Nguyễn Sơn Triều	K54KC.04	18	3.39		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
151	K185520103145	Hồ Đức Hai	K54KC.04	16	3.38		93,5	Giỏi	900.000	5	4.500.000
152	K185520103141	Cáp Trọng Đức	K54KC.04	20	2.90		70	Khá	600.000	5	3.000.000
153	K185520103164	Đỗ Văn Oai	K54KC.04	18	3.17		72	Khá	600.000	5	3.000.000
154	K185520103169	Lưu Văn Thành	K54KC.04	16	3.13		71,5	Khá	600.000	5	3.000.000
155	K185520103168	Nguyễn Văn Thắng	K54KC.04	16	2.94		74	Khá	600.000	5	3.000.000
156	K185520103170	Trần Đức Thao	K54KC.04	16	3.63		91	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
157	K195520114140	Trần Thị Giang	K55CĐT.01	12	3.50		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
158	K195520114127	Đỗ Văn Đức	K55CĐT.01	12	3.25		100	Giỏi	900.000	5	4.500.000
159	K195520114054	Tạ Văn Đạt	K55CĐT.02	12	3.58		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
160	K195520114111	Trần Văn Huy	K55CĐT.02	12	3.50		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
161	K195520114067	Kiều Dương Lập	K55CĐT.02	12	3.42		83	Giỏi	900.000	5	4.500.000
162	K195520114128	Trần Duy Thành	K55CĐT.02	12	3.33		81	Giỏi	900.000	5	4.500.000
163	K195520103011	Nguyễn Văn Đạt	K55KC.01	17	3.00	TOEFL 477	74	Khá	600.000	5	3.000.000
164	K195520103066	Trịnh Hoài Đức	K55KC.02	13	3.54		90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
165	K195520103131	Vũ Văn Lý	K55KC.02	13	3.23		85,8	Giỏi	900.000	5	4.500.000
166	K195520103088	Lương Nhật Tân	K55KC.02	13	3.08		81	Khá	600.000	5	3.000.000
167	K195520103125	Đoàn Trọng Hường	K55KC.02	13	3.08		84,5	Khá	600.000	5	3.000.000
168	K175520216163	Đào Minh Sơn	K53TĐH.03	32	2,86		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
169	K175520216223	Hoàng Viết Sơn	K53TĐH.04	25	3,35	A2	91	Khá	600.000	5	3.000.000
170	K165520216219	Nguyễn Văn Sang	K52TĐH.04	26	3,19		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
171	K175520216064	Quách Công Chí	K53TĐH.02	26	3,19		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
172	K175520216149	Nguyễn Văn Linh	K53TĐH.03	28	2,95		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
173	K175520201246	Dương Thanh Thảo	K53HTĐ.01	23	3,59		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
174	K175520201103	Nguyễn Đức Hùng	K53KTĐ.02	21	3,78		77	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
175	K175520216152	Lê Văn Lực	K53TĐH.03	24	3,29		96	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
176	K175520216230	Dương Thị Thúy	K53TĐH.04	24	3,29	B1	80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
177	K175520216009	Trần Thị Dung	K53TĐH.01	21	3,76		91	Giỏi	900.000	5	4.500.000
178	K175520201121	Nguyễn Xuân Nhân	K53KTĐ.02	22	3,58		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
179	K175520216062	Trần Thị Ngọc	K53TĐH.02	27	2,9		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
180	K185520216226	Đinh Thị ánh	K54TĐH.03	21	3,71	A2	85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
181	K175520216151	Nguyễn Tuấn Long	K53TĐH.03	25	3,1		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
182	K175520216238	Nguyễn Văn Tuyền	K53TĐH.04	21	3,67		96	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
183	K175520201168	Đào Huy Hiếu	K53HTĐ.01	22	3,5		95	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
184	K175520201061	Nguyễn Quang Toàn	K53KTĐ.01	27	2,84		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
185	K175520216027	Ngô Thị Lan	K53TĐH.01	21	3,62		96	Giỏi	900.000	5	4.500.000
186	K175520201053	Phùng Thị Nhân	K53KTĐ.01	23	3,24		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
187	K175520201227	Đặng Thị Lan	K53KTĐ.02	20	3,71		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
188	K175520201024	Vũ Ngọc Hiền	K53KTĐ.01	25	2,95		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
189	K175520201036	Lại Hợp Khôi	K53KTĐ.01	25	2,95		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
190	K175520201213	Nguyễn Thanh Tùng	K53KTĐ.03	23	3,2	B1	70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
191	K175520216209	Lê Thị Loan	K53TĐH.04	23	3,19		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
192	K185520216305	Nông Thị Hoài	K54TĐH.03	21	3,48		80	Giỏi	900.000	5	4.500.000
193	K175520201163	Phan Thị Tiên Hà	K53KTĐ.03	20	3,65		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
194	K175520216242	Trần Ngọc Linh	K53TĐH.01	25	2,9		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
195	K175520201050	Nguyễn Trung Niên	K53KTĐ.01	24	3		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
196	K175520201051	Đỗ Tân Phương	K53KTĐ.01	22	3,26		90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
197	K175520216218	Đào Thị Hồng Nhung	K53TĐH.04	21	3,38		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
198	K175520201101	Nguyễn Đắc Hoàng	K53KTĐ.02	22	3,21		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
199	K175520201239	Nguyễn Thị Huệ	K53KTĐ.03	22	3,21		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
200	K175520201245	Nguyễn Thị Hồng	K53KTĐ.03	22	3,21	B1	80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
201	K175520201157	Bùi Minh Đức	K53KTĐ.03	23	3,06		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
202	K175520201252	Lương Thảo Nguyên	K53KTĐ.02	23	3,05		56	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
203	K185520216162	Nguyễn Phúc Toàn	K54TĐH.03	21	3,33		83	Giỏi	900.000	5	4.500.000
204	K175520201047	Nguyễn Phương Nam	K53KTĐ.01	22	3,16		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
205	K175520201094	Vương Thu Hằng	K53KTĐ.02	20	3,47		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
206	K175520216013	Thái Thị Hiền	K53TĐH.01	21	3,29		91	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
207	K175520216030	Lê Đình Long	K53TĐH.01	21	3,29		76	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
208	K165520201086	Hoàng Ngọc Hải	K52HTĐ.01	23	3		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
209	K175520201104	Nguyễn Thị Hương	K53KTĐ.02	22	3,11		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
210	K175520201185	Trang Thị Lộc	K53KTĐ.03	22	3,11		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
211	K175520216088	Nguyễn Thị Lan	K53TĐH.02	21	3,24		88	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và	tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
212	K185520216421	Lý Thị	Thương	K54TĐH.03	21	3,24		80	Giỏi	900.000	5	4.500.000
213	K175520201058	Trần Ngọc	Thọ	K53HTĐ.01	20	3,35		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
214	K175520216226	Đặng Văn	Thắng	K53TĐH.04	21	3,19		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
215	K175520216115	Đỗ Mạnh	Trường	K53TĐH.02	23	2,91		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
216	K175520201116	Nguyễn Văn	Mạnh	K53KTĐ.02	21	3,17		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
217	K175520201113	Nguyễn Bá	Lộc	K53KTĐ.02	21	3,11		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
218	K185520216313	Hoàng Thị	Kim	K54TĐH.03	21	3,1		82	Khá	600.000	5	3.000.000
219	K185520216259	Nguyễn Thị	Mai	K54TĐH.03	19	3,42		83	Giỏi	900.000	5	4.500.000
220	K175520201241	Nguyễn Thị	Hạnh	K53KTĐ.03	22	2,95		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
221	K175520201091	Nguyễn Thị	Hà	K53HTĐ.01	23	2,82		83	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
222	K175520201148	Dương Gia	Bảo	K53KTĐ.03	23	2,82		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
223	K175520201079	Nguyễn Thành	Chung	K53KTĐ.02	20	3,24		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
224	K175520201095	Bùi Thị	Hiền	K53KTĐ.02	20	3,24		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
225	K175520201194	Nông Long	Phúc	K53HTĐ.01	22	2,94		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
226	K165520201137	Nguyễn Văn	Chiến	K52HTĐ.01	22	2,91		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
227	K165520201061	Nguyễn Mạnh	Tuấn	K52HTĐ.01	22	2,88		77	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
228	K165520216100	Đỗ Anh	Phương	K52TĐH.02	20	3,15		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
229	K175520216248	Nguyễn Minh	Thương	K53TĐH.01	21	3		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
230	K175520216189	Trần Việt	Đức	K53TĐH.04	21	3		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
231	K175520216193	Lê Thị	Hiền	K53TĐH.04	21	3		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
232	K175520201211	Nguyễn Quang	Tuấn	K53HTĐ.01	19	3,31		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
233	K175520201218	Phan Tuấn	Anh	K53KTĐ.01	22	2,84		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
234	K175520201139	Ngô Văn	Tuấn	K53KTĐ.02	20	3,12		76	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
235	K175520216170	Giáp Thị Thương	Thương	K53TĐH.03	22	2,82		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
236	K175520201235	Lý Văn	Hào	K53KTĐ.03	20	3,06		95	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
237	K145905228020	Vũ Hoàng	Dương	K53TĐH.01	20	3,05	A2	84	Khá	600.000	5	3.000.000
238	K165520216120	Nguyễn Thị Mai	Anh	K52TĐH.03	16	3,81	B1	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
239	K185520201021	Nguyễn Thế	Minh	K54TĐH.03	21	2,86		82	Khá	600.000	5	3.000.000
240	K185520216188	Vũ Xuân	Hòa	K54TĐH.03	21	2,86		87	Khá	600.000	5	3.000.000
241	K175520201075	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	K53KTĐ.02	20	3		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
242	K165520201027	Nguyễn Khắc	Huệ	K52KTĐ.01	21	2,84		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
243	K165520216158	Nguyễn Hà	Phòng	K52TĐH.03	16	3,69	A2	100	Giỏi	900.000	5	4.500.000
244	K165520216159	Nguyễn Thị Như	Phương	K52TĐH.03	16	3,69	B1	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
245	K165520216225	Dương Ngọc	Thúy	K52TĐH.04	16	3,69	A2	95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
246	K165520201111	Nguyễn Văn	Quý	K52KTĐ.02	21	2,81		70	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
247	K175520216135	Nguyễn Công	Hiếu	K53TĐH.03	21	2,81		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và	tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
248	K185520216348	Đông Thị	Chinh	K54TĐH.04	17	3,47		97	Giỏi	900.000	5	4.500.000
249	K175520201172	Ngô Việt	Hoàng	K53KTĐ.03	20	2,94		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
250	K175520201209	Nguyễn Văn	Tú	K53KTĐ.03	20	2,94		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
251	K165520201004	Nguyễn Trường	Anh	K52KTĐ.01	16	3,63	A2	96	Giỏi	900.000	5	4.500.000
252	K175520201077	Nguyễn Thị	Bích	K53KTĐ.02	20	2,88		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
253	K175520201208	Dương Thanh	Tú	K53TBĐ.01	20	2,88		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
254	K165520201162	Nguyễn Thu	Huyền	K52HTĐ.01	18	3,19		94	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
255	K175520201108	Nguyễn Huy	Khuong	K53HTĐ.01	20	2,86		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
256	K175520201173	Nguyễn Văn	Hoàng	K53TBĐ.01	17	3,36		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
257	K175520216022	Vũ Thị Lan	Hương	K53TĐH.01	18	3,17	B1	81	Khá	600.000	5	3.000.000
258	K165520216224	Bùi Kim	Thi	K52TĐH.04	16	3,56		92	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
259	K165520201016	Nông Mạnh	Đức	K52HTĐ.01	20	2,81		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
260	K165520216094	Đỗ Hương	Ly	K52TĐH.02	19	2,95	A2	100	Khá	600.000	5	3.000.000
261	K165520201058	Lưu Minh	Tú	K52KTĐ.01	14	4	A2	96	Giỏi	900.000	5	4.500.000
262	K165520201152	Hoàng Thị	Hạnh	K52KTĐ.01	14	4	A2	96	Giỏi	900.000	5	4.500.000
263	K165520201084	Nguyễn Thu	Hà	K52KTĐ.02	14	4	B1	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
264	K165520201109	Dương Ngọc	Quân	K52KTĐ.02	14	4	B1	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
265	K185520216267	Ngô Văn	Quân	K54TĐH.03	18	3,11	B1	82	Khá	600.000	5	3.000.000
266	K175520201126	Nguyễn Hồng	Sơn	K53TBĐ.01	17	3,24		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
267	K165520201080	Phạm Văn	Diệp	K52KTĐ.02	16	3,38		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
268	K185520216157	Nguyễn Phú	Thái	K54TĐH.03	17	3,18		72	Khá	600.000	5	3.000.000
269	K185520216175	Nguyễn Công	Bưu	K54TĐH.03	17	3,18		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
270	K175520201060	Dương Minh	Tín	K53KTĐ.01	19	2,81		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
271	K165520201082	Lê Văn	Đức	K52KTĐ.02	14	3,79	B1	97	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
272	K185520201174	Phạm Thị	Châm	K54TĐH.04	17	3,12		91	Khá	600.000	5	3.000.000
273	K185520216163	Nguyễn Thị	Trang	K54TĐH.04	17	3,12		94	Khá	600.000	5	3.000.000
274	K165520201089	Nguyễn Văn	Hoàn	K52TĐH.01	16	3,31	B1	95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
275	K185520216194	Vũ Văn	Huy	K54TĐH.03	16	3,29		75	Khá	600.000	5	3.000.000
276	K185520201055	Bùi Minh	Nhật	K54KTĐ.02	15	3,47		95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
277	K165905228010	Đào Văn	Hưng	K52HTĐ.01	17	3,06		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
278	K165520201011	Nguyễn Anh	Dân	K52KTĐ.01	17	3,06		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
279	K185520216160	Hoàng Văn	Thiện	K54TĐH.03	17	3,06		74	Khá	600.000	5	3.000.000
280	K185520216307	Lục Văn	Huân	K54TĐH.03	17	3,06		74	Khá	600.000	5	3.000.000
281	K165520216123	Đinh Thị Ngọc	ánh	K52TĐH.03	16	3,25		100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
282	K165520216132	Nguyễn Ngọc	Đạt	K52TĐH.03	16	3,25	B1	97	Giỏi	900.000	5	4.500.000
283	K165520216035	Lê út	Ly	K52TĐH.01	16	3,19	B1	95	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
284	K165520201191	Dương Thế Tư	K52TĐH.02	16	3,19	A2	100	Khá	600.000	5	3.000.000
285	K195520201019	Phan Thị Thúy Hiền	K55ĐĐT.01	15	3,4		84	Giỏi	900.000	5	4.500.000
286	K195520201084	Nguyễn Hùng Hiệp	K55ĐĐT.02	15	3,4		95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
287	K195520201115	Nguyễn Thị Thu Thảo	K55ĐĐT.02	15	3,4		71	Khá	600.000	5	3.000.000
288	K185520216412	Trần Văn Thông	K54TĐH.02	17	3		70	Khá	600.000	5	3.000.000
289	K185520216161	Đặng Đình Thông	K54TĐH.03	17	3		70	Khá	600.000	5	3.000.000
290	K165520216044	Lão Văn Sơn	K52TĐH.01	16	3,13	B1	95	Khá	600.000	5	3.000.000
291	K165520216058	Dương Thị Thanh Vân	K52TĐH.01	16	3,13	B1	95	Khá	600.000	5	3.000.000
292	K165520216127	Đỗ Thị Cúc	K52TĐH.03	16	3,13		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
293	K165520216011	Mai Thị Mỹ Đình	K52TĐH.01	13	3,85	A2	95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
294	K165520201023	Ngô Xuân Hòa	K52KTĐ.01	14	3,57		91	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
295	K165520201039	Dương Văn Nam	K52KTĐ.02	14	3,57	A2	100	Giỏi	900.000	5	4.500.000
296	K185520216287	Đỗ Trung Kiên	K54TĐH.03	17	2,94		87	Khá	600.000	5	3.000.000
297	K195520201047	Lã Xuân Thắng	K55ĐĐT.01	15	3,33		84	Giỏi	900.000	5	4.500.000
298	K195520201087	Phạm Minh Hiếu	K55ĐĐT.02	15	3,27		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
299	K165520216086	Nguyễn Thị Thu Hương	K52TĐH.02	13	3,77	B1	100	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
300	K165520201166	Vũ Thị Linh	K52KTĐ.01	14	3,5	B1	96	Giỏi	900.000	5	4.500.000
301	K165520201083	Đàm Thị Giang	K52KTĐ.02	14	3,5		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
302	K165520201117	Dương Quốc Thành	K52KTĐ.02	14	3,5		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
303	K165520201192	Vũ Văn Tuấn	K52KTĐ.02	14	3,5		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
304	K165520201149	Lại Văn Giang	K52TĐH.01	16	3,06		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
305	K185520216020	Đặng Thị Hải Huệ	K54TĐH.02	17	2,88		70	Khá	600.000	5	3.000.000
306	K185520216001	Nguyễn Giản An	K54TĐH.03	17	2,88		81	Khá	600.000	5	3.000.000
307	K185520216082	Dương Văn Khánh	K54TĐH.03	17	2,88		82	Khá	600.000	5	3.000.000
308	K185520216170	Ngô Quang Vinh	K54TĐH.03	17	2,88		74	Khá	600.000	5	3.000.000
309	K165520201122	Hoàng Thị Thu Trang	K52KTĐ.02	14	3,43	A2	90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
310	K165520201187	Phạm Thị Tiến	K52KTĐ.02	14	3,43		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
311	K195520201039	Hoàng Thị Ngọc	K55ĐĐT.01	15	3,2		94	Giỏi	900.000	5	4.500.000
312	K165510202005	Nguyễn Bá Hậu	K52CN-CTM.01	12	4,00	450	85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
313	K185510301011	Nguyễn Văn Hiếu	K54CN-ĐĐT.01	12	3,75		89	Giỏi	900.000	5	4.500.000
314	K195510301098	Nguyễn Văn Vinh	K55CN-ĐĐT.02	12	3,33		90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
315	K185510301056	Lại Văn Khải	K54CN-ĐĐT.02	14	3,27		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
316	K185510301010	Phạm Minh Hằng	K54CN-ĐĐT.01	14	3,27		92	Giỏi	900.000	5	4.500.000
317	K165510301028	Đặng Xuân Mạnh	K52CN-ĐĐT.01	12	4,00	430	71	Khá	600.000	5	3.000.000
318	K195510301024	Nguyễn Thành Linh	K55CN-ĐĐT.01	12	3,17		84	Khá	600.000	5	3.000.000
319	K185510301082	Ngụy Đình Biên	K54CN-ĐĐT.01	12	3,14		74	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
320	K195510301043	Đỗ Văn Tiến	K55CN-ĐĐT.01	12	2.92		77	Khá	600.000	5	3.000.000
321	K195510301042	Đỗ Đức Thuận	K55CN-ĐĐT.01	12	2.83		89	Khá	600.000	5	3.000.000
322	K165510202012	Nguyễn Duy Kiên	K52CN-CTM.01	12	4.00		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
323	K165510202013	Nguyễn Văn Linh	K52CN-CTM.01	12	4.00		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
324	K165510301044	Nguyễn Tiến Trung	K52CN-ĐĐT.01	12	4.00		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
325	K165510301036	Phạm Văn Sơn	K52CN-ĐĐT.01	12	4.00		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
326	K175510301022	Nguyễn Phương Thảo	K53CN-ĐĐT.01	14	3.79		92	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
327	K175510301017	Nguyễn Văn Mạnh	K53CN-ĐĐT.01	20	3.57		96	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
328	K175510301021	Nguyễn Thị Quỳnh	K53CN-ĐĐT.01	14	3.50		92	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
329	K175510301006	Đỗ Tiến Đạt	K53CN-ĐĐT.01	14	3.43		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
330	K175510301008	Nguyễn Xuân Hà	K53CN-ĐĐT.01	14	3.43		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
331	K175510301003	Nguyễn Minh Chiến	K53CN-ĐĐT.01	17	3.43		97	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
332	K175510301026	Giáp Văn Toàn	K53CN-ĐĐT.01	14	3.36		92	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
333	K175510301033	Phạm Văn Tuyên	K53CN-ĐĐT.01	18	3.36		83	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
334	K175510301033	Phạm Văn Tuyên	K53CN-ĐĐT.01	18	3.36		83	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
335	K175510301020	Nguyễn Thị Mai Phương	K53CN-ĐĐT.01	14	3.29		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
336	K175510301013	Nguyễn Đỗ Trọng Linh	K53CN-ĐĐT.01	14	3.29		78	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
337	K175510301023	Nguyễn Văn Thiêm	K53CN-ĐĐT.01	17	3.29		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
338	K175510301032	Trần Văn Tùng	K53CN-ĐĐT.01	17	3.29		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
339	K165510205007	Nguyễn Đức Chung	K52CN-KTO.01	12	4.00	470	90	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
340	K165510205035	Mai Văn Lực	K52CN-KTO.01	12	4.00	447	98	Giỏi	900.000	5	4.500.000
341	K165510205059	Ngô Minh Tiến	K52CN-KTO.01	12	4.00	445	98	Giỏi	900.000	5	4.500.000
342	K165510205037	Nguyễn Ngọc Minh	K52CN-KTO.01	12	4.00		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
343	K155510205056	Nguyễn Tiến Tùng	K53CN-KTO.01	17	3.35		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
344	K175510205003	Lê Thông Cẩn	K53CN-KTO.01	21	3.00		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
345	K175510205005	Vũ Mạnh Cường	K53CN-KTO.01	15	3.13		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
346	K175510205006	An Tiến Đạt	K53CN-KTO.01	19	3.00		86	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
347	K175510205044	Chu Xuân Thương	K53CN-KTO.01	17	3.12		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
348	K175510205045	Lương Văn Tiến	K53CN-KTO.01	15	3.13		80	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
349	K175510205112	Lưu Văn Hùng	K53CN-KTO.01	11	3.09		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
350	K175510205122	Nguyễn Văn Sang	K53CN-KTO.01	15	3.33		97	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
351	K175510205055	Lê Việt Anh	K53CN-KTO.02	26	2.86		92	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
352	K175510205068	Phạm Xuân Hải	K53CN-KTO.02	17	3.12		87	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
353	K175510205097	Phạm Quang Thuận	K53CN-KTO.02	13	3.18		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
354	K175510205106	Nguyễn Văn Vinh	K53CN-KTO.02	22	3.06		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
355	K185510205026	Vũ Đức Cảnh	K54CN-KTO.01	19	3.00		95	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và	tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
356	K185510205035	Nguyễn Việt	Khải	K54CN-KTO.01	18	3.17		80	Khá	600.000	5	3.000.000
357	K185520116007	Nguyễn Đức	Thìn	K54CN-KTO.01	16	3.19		80	Khá	600.000	5	3.000.000
358	K185520116016	Lương Tùng	Dương	K54CN-KTO.01	21	2.89	TOEFL 470	75	Khá	600.000	5	3.000.000
359	K185520201069	Dương Trọng	Đại	K54CN-KTO.01	22	3.00		85	Khá	600.000	5	3.000.000
360	K185510205055	Phùng Thị Thu	Hiền	K54CN-KTO.02	22	3.00		95	Khá	600.000	5	3.000.000
361	K185510205061	Đặng Đình	Long	K54CN-KTO.02	18	3.28		80	Giỏi	900.000	5	4.500.000
362	K185510205076	Đinh Xuân	Cường	K54CN-KTO.02	15	2.85		75	Khá	600.000	5	3.000.000
363	K185510205162	Đàm Đức	Son	K54CN-KTO.02	20	2.85		75	Khá	600.000	5	3.000.000
364	K185510205152	Nguyễn Văn	Huỳnh	K54CN-KTO.03	21	2.83		71	Khá	600.000	5	3.000.000
365	K195510205002	Bùi Công	Chung	K55CN-KTO.01	15	3.20		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
366	K195510205021	Đỗ Đức	Kiên	K55CN-KTO.01	15	3.20		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
367	K195510205028	Hoàng Trọng	Nghĩa	K55CN-KTO.01	15	3.20		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
368	K195510205030	Nguyễn Long	Nhật	K55CN-KTO.01	15	3.80		90	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
369	K195510205041	Dương Viết	Tối	K55CN-KTO.01	15	3.60		90	Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
370	K195510205119	Đinh Văn	Lương	K55CN-KTO.01	14	3.43		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
371	K195510205129	Nguyễn Đức	Thắng	K55CN-KTO.01	15	3.20		85	Giỏi	900.000	5	4.500.000
372	K195510205054	Đinh Hữu	Định	K55CN-KTO.02	12	3.42		95	Giỏi	900.000	5	4.500.000
373	K195510205064	Nguyễn Trọng	Hiếu	K55CN-KTO.02	15	3.20		90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
374	K195510205099	Nguyễn Trọng	Đại	K55CN-KTO.02	12	3.25		90	Giỏi	900.000	5	4.500.000
375	K195905218021	Nguyễn Đăng	Việt	K55AP.M	24	4	523	100	Xuất sắc	1.800.000	5	9.000.000
376	K175905218019	Dương Văn	Phương	K53AP.M	25	3,28	463	85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
377	K195905218019	Hà Lâm	Tùng	K55AP.M	24	3,4	487	100	Giỏi	1.200.000	5	6.000.000
378	K195905218006	Đinh Duy	Hiếu	K55AP.M	24	3,29		100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
379	K195905218026	Ngô Tống Thanh	Tùng	K55AP.M	24	3,29		87	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
380	K195905218010	Trần Huy	Phi	K55AP.M	24	3,16	480	100	Khá	600.000	5	3.000.000
381	K195905218024	Lê Ngọc	Hải	K55AP.M	24	3		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
382	K175905218006	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K53AP.M	22	3,18	513	98	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
383	K195905218027	Bàn Quý	Vượng	K55AP.M	24	2,88	483	80	Khá	600.000	5	3.000.000
384	K165905218017	Nguyễn Ngọc	Thiệu	K52AP.M	16	3,81	537	100	Xuất sắc	1.800.000	5	9.000.000
385	K165520103163	Nguyễn Văn	Nam	K52AP.M	17	3,41	553	84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
386	K165905218022	Nguyễn Văn	Hưng	K52AP.M	16	3,44	500	85	Khá	600.000	5	3.000.000
387	K165905218014	Vũ Đình	Luyện	K52AP.M	19	2,84		81	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
388	K175905228016	Ngô Xuân	Trường	K53AP.I	34	3,26	457	85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
389	K175905228004	Nguyễn Văn	Hải	K53AP.I	28	3,36	477	98	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
390	K195905228010	Lương Văn	Khởi	K55AP.I	24	3,75	463	87	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
391	CPC205025	Seng	Ranika	K55AP.I	24	3,71		90	Khá	600.000	5	3.000.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
392	K195905228011	Lương Thanh Nam	K55AP.I	24	3,63		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
393	K195905228006	Lý Thị Hiền	K55AP.I	24	3,46		95	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
394	K195905228014	Dương Nhật Tân	K55AP.I	24	3,46		82	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
395	K195905228001	Nguyễn Việt Anh	K55AP.I	24	3,46		90	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
396	K175905228022	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K53AP.I	27	3,04	530	100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
397	K165905228005	Nguyễn Thế Đức	K52AP.I	25	3,28	523	100	Giỏi	1.200.000	5	6.000.000
398	K165905228017	Trần Văn Linh	K52AP.I	25	3,28	513	100	Giỏi	1.200.000	5	6.000.000
399	K165140214004	Lưu Thị Hồng Tuyết	K52AP.I	25	3,28	500	100	Giỏi	1.200.000	5	6.000.000
400	K195905228012	Nguyễn Xuân Quang	K55AP.I	24	3,29		85	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
401	K165905218019	Tạ Thị Thu Trang	K52AP.I	25	3,04	500	100	Khá	600.000	5	3.000.000
402	K165905228036	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	K52AP.I	25	3,04	497	100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
403	K165905228002	Nguyễn Quang Anh	K52AP.I	25	2,92	530	89	Khá	600.000	5	3.000.000
404	K165905228001	Bùi Thái Anh	K52AP.I	25	2,92	467	100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
405	K165905228020	Nguyễn Thị Nhung	K52AP.I	25	2,84	467	89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
406	K165905228035	Phạm Bá Cương	K52AP.I	25	2,8	490	89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
407	K165905228007	Vũ Thanh Hải	K52AP.I	25	2,8	487	100	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
408	K195905228016	Đỗ Đức Tuệ	K55AP.I	24	3		99	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
409	K195905228003	Hà Văn Diễm	K55AP.I	24	2,88		79	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
410	K195905228018	Triệu Quốc Việt	K55AP.I	24	2,88		87	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
411	PHI195005	Serrano Ramos Eliz Nathani	K54AP.I	18	3,33		75	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
412	K165220201004	Hoàng Văn Tú	K52NNA.01	18	2,83		74	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
413	K185220201011	Ma Tuấn Vũ	K54NNA.01	17	2,87		80	Khá	600.000	5	3.000.000
414	K165220201002	Phạm Thị Lan Hương	K52NNA.01	15	3,17		84	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
415	K165905228015	Trần Quang Khánh	K52AP.I	22	3,05		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
416	K165905228009	Phan Trung Hiếu	K52AP.I	22	2,86		89	Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
417	K185520207027	Nguyễn Thành Nam	K54ĐVT.01	24	3,38	83		Giỏi	900.000	5	4.500.000
418	K185520207029	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K54ĐVT.01	21	3,86	100		Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
419	K165520207025	Nguyễn Văn Sơn	K52ĐVT.01	24	3,33	75		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
420	K165520207037	Trần Thị Yến	K52KĐT.01	25	3,16	80		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
421	K165520207017	Trình Văn Nghĩa	K52ĐVT.01	24	3,29	80		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
422	K165520207012	Nguyễn Văn Huấn	K52ĐVT.01	24	3,25	83,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
423	K185520207073	Nguyễn Thế Hưng	K54ĐVT.01	24	3,25	90		Giỏi	900.000	5	4.500.000
424	K165520207001	Lương Thị Lan Anh	K52ĐVT.01	24	3,21	73		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
425	K165520207013	Hoàng Thị Thu Hường	K52ĐVT.01	24	3,21	80		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
426	K165520216073	Nguyễn Thành Đắc	K52ĐĐK.01	24	3,13	95		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
427	K165520207005	Trương Thế Ba	K52KĐT.01	21	3,52	85,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
428	K165520207029	Tạ Thị Thảo	K52KĐT.01	22	3,32	82,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
429	K165520216209	Vũ Việt Long	K52ĐĐK.01	24	2,96	92,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
430	K165520207006	Nguyễn Dương Minh Cường	K52KĐT.01	22	3,18	80		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
431	K165520214007	Nguyễn Quang Linh	K52KMT.01	22	3,18	90		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
432	K165520207038	Hà Thị Nhung	K52ĐVT.01	24	2,83	76		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
433	K165520207042	Tống Văn Tiến	K52KĐT.01	22	3,05	83,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
434	K165520216046	Ngô Đức Tâm	K52ĐĐK.01	23	2,91	91		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
435	K185520207044	Nguyễn Thị Thu	K54KĐT.01	18	3,67	86		Giỏi	900.000	5	4.500.000
436	K175520207035	Nguyễn Thị Xoan	K53KĐT.01	19	3,47	97	0 TOB	Khá	600.000	5	3.000.000
437	K165520207015	Nguyễn Ngọc Minh	K52ĐVT.01	21	3,13	73		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
438	K165520114135	Lê Xuân Thiệu	K52KMT.01	23	2,83	90		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
439	K175520214015	Mã Văn Nguyễn	K53KMT.01	22	2,95	74		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
440	K165520214004	Vũ Quốc Dương	K52KMT.01	21	3,05	90		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
441	K175520214001	Nguyễn Minh Chiến	K53KMT.01	19	3,37	75		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
442	K185520207072	Hoàng Thị Hoa	K54ĐVT.01	21	3	85		Khá	600.000	5	3.000.000
443	K165520214014	Lương Gia Tuấn	K52KMT.01	22	2,86	90		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
444	K165520214017	Đoàn Duy Tùng	K52KMT.01	22	2,86	72		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
445	K165520216278	Nguyễn Mạnh Hùng	K52ĐĐK.01	17	3,65	95		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
446	K165520207004	Phạm Thị Ngọc Anh	K52KĐT.01	18	3,39	82,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
447	K175520214008	Bế Thị Nhật Lam	K53KMT.01	20	3,05	77,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
448	K165520207033	Trần Văn Tùng	K52KĐT.01	21	2,9	80		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
449	K175520216141	Phạm Thị Huế	K53ĐĐK.01	21	2,86	85		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
450	K165520114167	Nguyễn Bích Hạnh	K52KMT.01	19	3,16	92		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
451	K165520214003	Trần Bá Được	K52KMT.01	19	3,16	98		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
452	K165520214013	Nguyễn Thị Thu Trà	K52KMT.01	19	3,16	89		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
453	K175520214012	Nguyễn Văn Nam	K53KMT.01	19	3,16	78,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
454	K165520207023	Đào Hồng Sơn	K52KĐT.01	18	3,33	83,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
455	K185520207060	Dương Quỳnh Giang	K54KĐT.01	18	3,33	90		Giỏi	900.000	5	4.500.000
456	K175520207002	Nguyễn Thị Bình	K53KĐT.01	19	3,11	100		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
457	K165520207021	Hoàng Thị Kim Oanh	K52KĐT.01	18	3,28	85,5		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
458	K155520214005	Bằng Việt Hào	K53KMT.01	20	2,95	75		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
459	K185480106010	Dương Văn Huân	K54KMT.01	20	2,95	79		Khá	600.000	5	3.000.000
460	K165520216156	Lý Thị Bích Ngọc	K52ĐĐK.01	17	3,47	98		Khuyến khích	300.000	5	1.500.000
461	K165520216111	Nguyễn Thị Trọng	K52ĐĐK.01	17	3,41	94,5	470	Giỏi	900.000	5	4.500.000
462	K195520216051	Trần Văn Thái	K55ĐKT.01	15	3,33	81		Giỏi	900.000	5	4.500.000
463	K195520216339	Nguyễn Minh Tú	K55ĐKT.06	15	3,25	87		Giỏi	900.000	5	4.500.000

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	TC	ĐTB	Ngoại ngữ	ĐRL	Loại HB	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền (đ)
464	K195520216035	Nguyễn Thành Nam	K55ĐKT.01	12	4.00	88		Giỏi	900.000	5	4.500.000
465	K195520216288	Nguyễn Thị Phương Thảo	K55ĐKT.05	12	3.83	93		Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
466	K195520216071	Phạm Văn Đồng	K55ĐKT.02	12	3.75	90		Giỏi	900.000	5	4.500.000
467	K195520216252	Trần Thị Hiền	K55ĐKT.05	12	3.75	99,5		Xuất sắc	1.200.000	5	6.000.000
468	K195520216049	Ngô Thanh Tùng	K55ĐKT.01	15	2.93	92,5		Khá	600.000	5	3.000.000
469	K195520216046	Vũ Văn Tuấn	K55ĐKT.01	12	3.58	80		Giỏi	900.000	5	4.500.000
470	K195520216142	Nguyễn Đức Huy	K55ĐKT.03	12	3.58	92,7		Giỏi	900.000	5	4.500.000
471	K195520216214	Tạ Thị Nhung	K55ĐKT.04	12	3.50	94		Giỏi	900.000	5	4.500.000
472	K195520216280	Vũ Văn Toàn	K55ĐKT.05	12	3.42	96		Khá	600.000	5	3.000.000
473	K195520216027	Ma Văn Khánh	K55ĐKT.01	12	3.33	86		Giỏi	900.000	5	4.500.000
474	K195520216030	Nguyễn Mạnh Linh	K55ĐKT.01	12	3.33	74		Khá	600.000	5	3.000.000
475	K195520216058	Nguyễn Quang Trường	K55ĐKT.01	12	3.33	83		Khá	600.000	5	3.000.000
476	K195520216135	Nguyễn Huy Hiệp	K55ĐKT.03	12	3.33	90		Giỏi	900.000	5	4.500.000
477	K195520216150	Phạm Ngọc Mai	K55ĐKT.03	12	3.33	93,5		Giỏi	900.000	5	4.500.000
478	K195520216234	Trần Mạnh Trung	K55ĐKT.04	12	3.25	94		Giỏi	900.000	5	4.500.000
479	K195520216270	Lưu Nhật Nam	K55ĐKT.05	12	3.25	78		Khá	600.000	5	3.000.000
480	K195520216054	Nguyễn Danh Thắng	K55ĐKT.01	12	3.17	81		Khá	600.000	5	3.000.000
	Tổng tiền										1.267.500.000

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Đỗ Oanh

TP CT HSSV



ThS. Nguyễn Tiên Dũng

PHÒNG KH-TC



ThS Phạm Khánh Luyện



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Duy Cường